

Số: 3105 /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 19 tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt dự án Tuyến đường giao thông từ bản Giàng
xã Trí Nang đi thôn Bang, Giàng, Tiu, thị trấn Lang Chánh,
huyện Lang Chánh nối với Quốc lộ 15**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi một số
điều Luật Xây dựng ngày 28 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4
năm 2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số
06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 quy định chi tiết một số nội dung về
quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số
10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 quy định chi tiết một số nội dung
về quản lý dự án đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: số 06/2021/TT-BXD ngày
30/6/2021 quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng
trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng; số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021
hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số
12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 ban hành định mức xây dựng;*

*Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: số 44/NQ-HĐND ngày 17
tháng 7 năm 2021 về chủ trương đầu tư dự án tuyến đường giao thông từ bản Giàng
xã Trí Nang đi thôn Bang, Giàng, Tiu, thị trấn Lang Chánh, huyện Lang Chánh nối
với Quốc lộ 15; số 123/NQ-HĐND ngày 11 tháng 10 năm 2021 về Kế hoạch đầu tư
công trung hạn vốn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021-2025 tỉnh Thanh Hoá;*

*Theo đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 4678/TTr-SGTVT
ngày 06 tháng 9 năm 2022 về việc phê duyệt dự án tuyến đường giao thông từ bản
Giàng xã Trí Nang đi thôn Bang, Giàng, Tiu, thị trấn Lang Chánh, huyện Lang
Chánh nối với Quốc lộ 15; kèm theo báo cáo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên
cứu khả thi số 4098/SGTVT-TĐKHKT ngày 05 tháng 8 năm 2022 và hồ sơ Báo
cáo nghiên cứu khả thi dự án.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Tuyến đường giao thông từ bản Giàng xã Trí Nang đi thôn Bang, Giáng, Tiu, thị trấn Lang Chánh, huyện Lang Chánh nối với Quốc lộ 15 với những nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án: Tuyến đường giao thông từ bản Giàng xã Trí Nang đi thôn Bang, Giáng, Tiu, thị trấn Lang Chánh, huyện Lang Chánh nối với Quốc lộ 15.

2. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Lang Chánh.

3. Mục tiêu đầu tư xây dựng: Kết nối thị trấn Lang Chánh với xã Trí Nang, huyện Lang Chánh nhằm từng bước hoàn chỉnh kết cấu hạ tầng giao thông khu vực; giảm tải lưu lượng phương tiện lưu thông trên tuyến Đường tỉnh 530 đoạn qua thị trấn Lang Chánh, đảm bảo an toàn giao thông cho người dân; tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại, giao thương của người dân hai bên bờ sông Âm; đảm bảo quốc phòng - an ninh và góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

4. Nhà thầu tư vấn khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi: Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Vinasean.

5. Địa điểm xây dựng: Thuộc địa phận xã Trí Nang và thị trấn Lang Chánh, huyện Lang Chánh.

6. Diện tích sử dụng đất: Khoảng 7,7ha.

7. Quy mô đầu tư xây dựng: Đầu tư xây dựng mới khoảng 5,589Km đường đạt tiêu chuẩn đường giao thông nông thôn loại B theo TCVN 10380:2014, có: vận tốc thiết kế $V_{tk}=20\text{Km/h}$; chiều rộng nền đường $B_n=5,0\text{m}$, chiều rộng mặt đường $B_m=3,5\text{m}$; lề đường $B_{ld}=2 \times 0,75=1,5\text{m}$. Công trình thoát nước bằng bê tông và BTCT; tần suất thiết kế $P=4\%$ đối với nền đường và cống, $P=1\%$ với cầu; tải trọng H30-XB80 với cống, HL93 và người đi bộ 3×10^{-3} MPa đối với cầu.

8. Giải pháp thiết kế chủ yếu

8.1. Bình đồ, hướng tuyến

Tuyến đi mới hoàn toàn, từ Km0+00 - Km0+428 tuyến đi bám theo đường bê tông liên thôn hiện trạng (có mở rộng cục bộ một số đoạn để đảm bảo quy mô), sau đó cắt qua khu vực ruộng và sườn đồi, kết nối với đường bê tông hiện trạng từ Km3+268,74 - Km5+00. Từ Km5+00 tuyến đi qua ruộng và các sườn đồi, vượt qua sông Âm và kết thúc tại Km7+320 giao với Quốc lộ 15 tại Km97+060 (phải tuyến).

- Điểm đầu Km0+00 giao với đường liên xã thuộc địa phận bản Giàng, xã Trí Nang.

- Điểm cuối Km7+320,87 giao với Quốc lộ 15 tại Km97+060 (phải tuyến) thuộc địa phận thị trấn Lang Chánh, huyện Lang Chánh.

Toàn tuyến có 48 đường cong nằm, bán kính nhỏ nhất $R_{\min}=20\text{m}$.

8.2. Trắc dọc tuyến: Cao độ đường đồ được thiết kế trên cơ sở các điểm khống chế tại điểm đầu, điểm cuối, cầu, cống và tần suất thủy văn tính toán; độ dốc dọc lớn nhất $I_{\max}=13\%$.

8.3. Mặt cắt ngang tuyến: Chiều rộng nền đường $B_n=5,0\text{m}$; chiều rộng mặt đường $B_m=3,5\text{m}$; lề đất $B_l=2 \times 0,75=1,5\text{m}$; độ dốc ngang mặt đường $i_m=2\%$; dốc ngang lề đường $i_l=4\%$; các đoạn có bố trí rãnh dọc gia cố, mặt đường được mở rộng đến mép rãnh.

8.4. Kết cấu áo đường

- Đối với các đoạn nền đường đất: Mặt đường bằng BTXM M300 dày 22cm; lớp nilon chống mất nước; móng bằng đá dăm nước dày 12cm.

- Đối với các đoạn nền đường đá: Mặt đường bằng BTXM M300 dày 22cm; lớp nilon chống mất nước; lớp tạo phẳng bằng BTXM M300 dày trung bình 3cm.

8.5. Nền đường

- Nền đắp: Đắp bằng đất đào hạ nền với độ chặt $K \geq 0,95$; độ dốc mái ta luy nền đắp 1/1,5. Những vị trí qua ao, mái taluy được gia cố bằng BTXM.

- Nền đào: Đào nền đường đến cao độ đáy móng đường. Đào đá, mái ta luy độ dốc từ 1/0,25-1/0,75; nền đất mái taluy độ dốc từ 1/0,75-1/1; những đoạn chiều cao mái taluy lớn hơn 12m với đất và 14m với đá thiết kế giạt cấp để giảm tải.

8.6. Nút giao, đường ngang

a) *Nút giao:* Tuyến có 04 nút giao, gồm: 03 nút giao ngã ba với các đường liên xã tại Km0+00; Km3+268,74; Km5+00 và nút giao ngã tư cuối tuyến với QL.15/Km97+060 (phải tuyến). Các nút giao thiết kế giao bằng, bán kính nhánh rẽ đảm bảo theo tiêu chuẩn cấp đường và khả năng kinh phí giải phóng mặt bằng của dự án; kết cấu áo đường trong phạm vi nút giao như kết cấu phần tuyến. Riêng nút giao với QL.15 kết cấu áo đường trong phạm vi nút giao gồm các lớp: bê tông nhựa chặt (BTN C) 12,5 dày 5cm; tưới nhựa dính bám $0,5\text{kg}/\text{m}^2$; BTN C19 dày 7cm; tưới nhựa thấm bám $1,0\text{kg}/\text{m}^2$; móng trên bằng cấp phối đá dăm loại I dày 15cm; Móng dưới bằng CPĐD loại II dày 28cm. Tổ chức giao thông bằng biển báo, sơn vạch kẻ đường, gờ giảm tốc và đèn cảnh báo nguy hiểm.

b) *Đường ngang:* Vuốt nổi đường ngang dân sinh đảm bảo êm thuận, kết cấu mặt đường vuốt nổi bằng bê tông M300 dày 22cm.

8.7. Điểm tránh xe: Bố trí trung bình với khoảng cách 300m/01 điểm tránh xe có bề rộng mặt đường mở thêm rộng 2,5m; tổng chiều dài vị trí tránh xe là 18m; kết cấu giống mặt đường phần tuyến..

8.8. Công trình thoát nước

a) *Thoát nước mặt đường:* Bằng chảy tỏa và hệ thống rãnh dọc.

b) Cổng thoát nước ngang: Toàn dự án có 36 cổng thoát nước ngang các loại gồm 34 cổng bản $B=(1,5-5,4)m$ và 02 cổng tròn $D=1,5m$; chiều dài cổng bằng chiều rộng nền đường.

- Kết cấu cổng tròn: Móng cổng, tường đầu, tường cánh, sân cổng bằng bê tông M150, trên lớp đá dăm đệm dày 10cm; thân cổng bằng BTCT M200; các ống cổng được liên kết với nhau bằng mối nối âm dương.

- Kết cấu cổng bản có khẩu độ $B=(1,5-5,4)m$: Móng, thân, tường cánh, sân cổng, thanh chống bằng bê tông M150 trên lớp đá dăm đệm dày 10cm; mũ mố bằng BTCT M200, tấm bản bằng BTCT M300; lớp phủ bản bê tông M300 dày 6cm; bản giảm tải (nếu có) bằng BTCT M250.

d) Cầu trên tuyến:

Xây dựng mới 01 cầu qua sông Âm có sơ đồ nhịp $4 \times 33m$ tại $Km6+479,58$; chiều dài cầu đến đuôi mố $L=144,35m$. Cầu nằm trên đường thẳng, vuông góc so với hướng dòng chảy, chiều rộng toàn cầu $B_c=(0,5+6+0,5)m=7,0m$; kết cấu bằng BTCT, BTCT DUL, cụ thể như sau:

- Kết cấu phần trên: Dầm giản đơn bằng BTCT DUL 40Mpa kéo sau, tiết diện dầm chữ I; chiều dài dầm 33m, chiều cao dầm 1,65m; mặt cắt ngang cầu gồm 3 dầm, khoảng cách giữa tim các dầm chủ là 2,4m; liên kết các dầm dọc bằng 5 dầm ngang BTCT 30Mpa. Lớp phủ mặt cầu bằng BTN C19 dày 7cm, tưới nhựa dính bám $0,5kg/m^2$, chống thấm mặt cầu bằng vật liệu dạng dung dịch; bản mặt cầu liên tục nhiệt bằng BTCT 30Mpa dày 20cm; khe co giãn đặt tại các vị trí mố cầu bằng thép dạng răng lược; thoát nước mặt cầu bằng ống nhựa PVC $\Phi 150$ dày 5mm, cửa thu nước và nắp chắn rác bằng gang đúc sẵn; lan can bằng thép mạ kẽm, gờ chân lan can bằng BTCT 25Mpa.

- Kết cấu phần dưới:

+ Mố cầu: Hai mố cầu có cấu tạo giống nhau, dạng mố nặng chữ U bằng BTCT 30Mpa. Móng đặt trên hệ 5 cọc khoan nhồi $D1,0m$ bằng BTCT 30Mpa. Bản quá độ bằng BTCT 25Mpa.

+ Trụ cầu: 03 trụ (T1-T3) có cấu tạo dạng đặc, thân hẹp bằng BTCT 30Mpa; bệ đặt trên 5 cọc khoan nhồi $D1,0m$ bằng BTCT 30Mpa.

- Tứ nón và đường hai đầu cầu: 10m đường sau đuôi mố được vuốt nối từ $B_n=8m$, $B_m=6m$ về $B_n=5m$, $B_m=3,5m$; kết cấu áo đường như trên tuyến; chân khay, gia cố tứ nón bằng BTXM.

8.9. An toàn giao thông: Bố trí hệ thống an toàn giao thông theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT.

8.10. Sửa chữa, hoàn trả đường công vụ phục vụ thi công: Sử dụng QL.15, QL.47, ĐT.530, đường huyện, đường xã... làm đường phục vụ vận chuyển vật liệu thi công. Chỉ thực hiện hoàn trả đối với các đường huyện, xã, nội thôn phục vụ cho dự án; các đường phục vụ chung cho các dự án chỉ sửa chữa hư hỏng

cục bộ. Tổng chiều dài dự kiến 2,0km; giải pháp thiết kế sửa chữa cụ thể sẽ được Chủ đầu tư thực hiện trước khi dự án được bàn giao đưa vào khai thác.

9. Nhóm dự án, loại, cấp công trình: Nhóm B, công trình giao thông cấp III.

10. Số bước thiết kế: 02 bước (thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công).

11. Danh mục tiêu chuẩn, quy chuẩn chủ yếu áp dụng: Chấp thuận danh mục tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng cho dự án theo báo cáo thẩm định tại Công văn số 4098/SGTVT-TĐKHKT ngày 05/8/2022 của Sở Giao thông vận tải.

12. Tổng mức đầu tư: 108.963.337.000 đồng (Một trăm linh tám tỷ, chín trăm sáu mươi ba triệu, ba trăm ba mươi bảy nghìn đồng).

Trong đó:

Chi phí bồi thường, GPMB:	17.677.000.000 đồng.
Chi phí xây dựng:	65.091.548.000 đồng.
Chi phí Quản lý dự án:	1.299.704.000 đồng.
Chi phí Tư vấn ĐTXD:	6.657.547.000 đồng.
Chi phí khác:	5.167.307.000 đồng.
Chi phí dự phòng:	13.070.231.000 đồng.

(Chi tiết có phụ lục kèm theo)

13. Nguồn vốn và cơ cấu vốn đầu tư: Vốn đầu tư công do tỉnh quản lý.

14. Thời gian thực hiện: Năm 2022 - 2025.

15. Phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư:

- Phạm vi giải phóng mặt bằng: Phạm vi đất của đường bộ theo Khoản 3, Điều 14, Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (được sửa đổi tại Khoản 1, Điều 1 Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03/9/2013 của Chính phủ).

- Phương án tổ chức thực hiện: Giao UBND huyện Lang Chánh làm chủ đầu tư tiểu dự án giải phóng mặt bằng và tái định cư.

16. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư tổ chức thực hiện quản lý dự án theo quy định.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Ban QLDA Đầu tư xây dựng huyện Lang Chánh tổ chức thực hiện theo đúng các quy định hiện hành về đầu tư xây dựng. Trong bước tiếp theo, có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các kiến nghị của Sở Giao thông vận tải tại báo cáo thẩm định số 4098/SGTVT-TĐKHKT ngày 05/8/2022 và ý kiến các ngành liên quan.

- UBND huyện Lang Chánh tổ chức bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch UBND huyện Lang Chánh; Giám đốc Ban QLDA Đầu tư xây dựng huyện Lang Chánh và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3-QĐ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (đề b/c);
- Lưu: VT, CN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Mai Xuân Liêm

PHỤ LỤC: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH**Dự án: Đường giao thông từ bản Giàng, xã Trí Nang đi thôn Bang, Giàng, Tỉu, thị trấn Lang Chánh, huyện Lang Chánh nối với Quốc lộ 15***(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)**Đơn vị: Đồng*

STT	HẠNG MỤC CHI PHÍ	PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ
I	Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư		17.677.000.000
II	Chi phí xây dựng		65.091.548.000
III	Chi phí quản lý dự án	2,196% x 59.174.134.545	1.299.704.000
IV	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng		6.657.547.000
1	Chi phí khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án	Quyết định số 228/QĐ-BQLDA ngày 28/12/2021 của Giám đốc Ban QLDA ĐTXD huyện Lang Chánh	1.795.016.000
2	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát bước lập Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án	Quyết định số 15/QĐ-BQLDA ngày 30/9/2021 của Giám đốc Ban QLDA ĐTXD huyện Lang Chánh	40.016.000
3	Chi phí giám sát công tác khảo sát bước lập Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án	Quyết định số 37/QĐ-BQLDA ngày 27/10/2021 của Giám đốc Ban QLDA ĐTXD huyện Lang Chánh	54.315.000
4	Chi phí khảo sát bước thiết kế bản vẽ thi công	Khái toán	1.500.000.000
5	Chi phí lập hồ sơ, cắm cọc giải phóng mặt bằng		150.000.000
6	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát bước BVTC	3,000% x 1.500.000.000	45.000.000
7	Chi phí thiết kế bản vẽ thi công	1,298% x1,08x 59.174.134.545	829.515.000
8	Chi phí giám sát công tác khảo sát bước BVTC	4,072% x 1.500.000.000	61.080.000
9	Chi phí thẩm tra thiết kế	0,108% x1,08x 59.174.134.545	68.815.567
10	Chi phí thẩm tra dự toán	0,102% x1,08x 59.174.134.545	64.928.304
11	Chi phí giám sát thi công xây dựng	2,238% x1,08x 59.174.134.545	1.430.393.000
12	Giám sát thi công rà phá bom mìn, vật nổ	3,203% x1,08x 300.000.000	10.378.000
13	Khảo sát, lập phương án, báo cáo kết quả khảo sát RPBM, vật nổ	5,0% x1,08x 300.000.000	16.200.000
14	Chi phí lập HSMT và đánh giá HSDT khảo sát, lập báo cáo NCKT	Quyết định số 36/QĐ-BQLDA ngày 27/10/2021 của Giám đốc BQLDA ĐTXD huyện Lang Chánh	10.892.828
15	Chi phí lập HSMT và đánh giá HSDT Gói thầu xây dựng (bao gồm cả bảo hiểm)	0,140% x1,08x 59.322.069.882	89.456.000
16	Chi phí lập HSMT và đánh giá HSDT gói thầu tư vấn	0,816% x1,08x 3.481.396.463	30.681.000
17	Phí thẩm định HSMT và KQ LCNT	0,100% x 69.014.185.000	69.014.000

STT	HẠNG MỤC CHI PHÍ	PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ
18	Chi phí thẩm tra ATGT trước khi đưa vào sử dụng	Khái toán 5,0Km x 9tr/Km	48.600.000
19	Chi phí đánh giá tác động môi trường	Quyết định số 48/QĐ-BQLDA ngày 16/4/2022 của Giám đốc BQLDA ĐTXD huyện Lang Chánh	343.246.000
V	Chi phí khác		5.167.307.000
1	Chi phí kiểm toán độc lập	0,342% x 1,1 x 109.000.000.000	409.608.000
2	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	0,223% x 0,5 x 109.000.000.000	121.521.000
3	Chi phí bảo hiểm xây dựng công trình	0,25% x 1,1 x 59.174.134.545	162.729.000
4	Chi phí rà phá bom mìn	Khái toán 10ha x 30tr/ha	300.000.000
5	Chi phí khác		
-	Chi phí đường dây, TBA phục vụ thi công	Dự toán chi tiết	220.705.000
-	Chi phí đảm bảo an toàn giao thông		150.000.000
-	Chi phí hoàn trả hạ tầng kỹ thuật	Khái toán	3.700.000.000
6	Phí thẩm định dự án đầu tư	0,01% x 109.000.000.000	10.900.000
7	Phí thẩm định thiết kế bản vẽ thi công	0,0207% x 59.174.134.545	12.228.000
8	Phí thẩm định dự toán xây dựng	0,0196% x 59.174.134.545	11.616.000
9	Phí thẩm định đánh giá tác động môi trường	Quyết định số 4764/QĐ-UBND ngày 09/12/2016 của UBND tỉnh	18.000.000
10	Chi phí kiểm tra của Cơ quan chuyên môn về xây dựng trong quá trình thực hiện	Tạm tính	50.000.000
VI	Chi phí dự phòng		13.070.231.000
1	Dự phòng cho phát sinh khối lượng	10% x 95.893.106.000	9.589.311.000
2	Dự phòng cho yếu tố trượt giá	3,63% x 95.893.106.000	3.480.920.000
	TỔNG KINH PHÍ ĐẦU TƯ	I+II+III+IV+V+VI	108.963.337.000